

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 31.01.2018

V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 847/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Quốc T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 6, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2017 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, nguyên đơn Anh Vũ Quốc T trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 28/3/2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn được mấy ngày vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh chị thống nhất sau khi kết hôn được một năm thì chị T chuyển trường về huyện C dạy và sống tại nhà anh, nhưng chị T không đồng ý và chị T nói con riêng của anh (bị thiếu năng trí tuệ) kiếm chuyện với chị T và đe dọa bóp cổ con chung của chị anh T, chị T và

đuổi chị T. Do đó, chị T yêu cầu anh mua đất cất nhà ở riêng nhưng anh không đồng ý; từ đó anh ở nhà anh còn chị T ở nhà của chị T. Ngoài ra anh Anh, chị bắt đồng quan điểm sống, về tiền bạc thường xuyên cãi vã. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu thành, tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T. Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Nguyên Như N, sinh ngày 23/12/2015. Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có; không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Vũ Quốc T đã nộp cho Tòa án; Bản sao giấy CMND, HKTT; Trích lục khai sinh (Bản sao) của Vũ Nguyên Như N; Trích lục kết hôn (Bản sao); Quyết định Đình chỉ vụ án số: 310/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2017. Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 847/TB-TLVA ngày 20/12/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tham gia phiên họp và gửi đơn yêu cầu vắng mặt, chị T đã không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là xin ly hôn với chị T; Về con chung anh yêu cầu nuôi cháu N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2017 và các lời khai tại Tòa án, Chị Nguyễn Thị T (bị đơn) trình bày:

Chị thống nhất lời khai của anh T về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và người trực tiếp nuôi con chung là đúng. Chị và anh T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 28/3/2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng mâu thuẫn vì chuyện tiền bạc, 02 lần chị gây tai nạn anh T phải bỏ tiền ra chi trả, anh T không đưa tiền cho chị nuôi con. Từ khi đám cưới hai người sống hai nơi, anh T nhiều lần yêu cầu chị về huyện C sống nhưng chị không chịu, chị yêu cầu anh T mua đất ở chỗ khác cất nhà

ở nhưng anh T không đồng ý, chị không đồng ý về ở chung vì vợ cũ anh T đã chết, anh T có 03 con riêng, trong đó có 01 cháu bị thiếu năng trí tuệ, trước khi chị và anh T chưa có con chung thì giữa chị và con riêng của anh T rất hòa thuận nhưng từ khi có con chung thì giữa chị và con gái của anh T bất hòa, chị Điệp (con riêng của anh T) nhiều lần bóp cổ con chung của chị và anh T nên chị không đồng ý về ở chung nhà. Tháng 11/2017 anh T nộp đơn ly hôn với chị, sau đó hai bên cam kết về ở chung lại vào tháng 8/2018 nên anh T rút đơn khởi kiện nhưng chưa đến tháng 8/2018 anh T lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với chị.

Ngoài ra vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì khác; nay Anh T có đơn yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Nguyên Như N, sinh ngày 23/12/2015. Nếu Tòa án cho ly hôn chị yêu cầu nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm giáo viên cấp 1 trường Tiểu học xã D, thu nhập hàng tháng của chị là 6.000.000 đồng, đối với thu nhập này chị đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc Tuấn, xử cho anh T và chị T được ly hôn. Về con chung giao con chung tên Vũ Nguyên Như N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có không giải quyết. Anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Anh Vũ Quốc T có mặt; Bị đơn Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét thấy anh T, chị T kết hôn với nhau ngày 28/3/2013 và đăng ký tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa cũng như yêu cầu trước đây anh T xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Anh Vũ Quốc T xin ly hôn với Chị Nguyễn Thị T thì thấy rằng: Anh T, chị T sau khi kết hôn nhưng anh T, chị T không sống chung nhà, anh T sống chung với con riêng của anh tại nhà anh, còn chị T sống tại nhà riêng của chị T với con chung của chị và anh T, từ đó mâu thuẫn giữa chị T với con riêng của anh T, mâu thuẫn về tiền bạc anh, chị mất lòng tin lẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T thì anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh, chị, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T xử cho anh T và chị T được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: Tên Vũ Nguyên Như N, sinh ngày 23/12/2015, Anh T, chị T điều yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét về con chung thì thấy rằng từ ngày sinh cháu N cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, tâm tư tình cảm của cháu N gắn liền với chị, chị T chăm sóc cháu tốt, hơn nữa hiện nay cháu N chưa được 36 tháng tuổi (25 tháng 07 ngày), còn quá nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, gần gũi trực tiếp của người mẹ, anh T chưa sát sao trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con, hơn nữa thu nhập của anh T còn phải nuôi con riêng của anh nên việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật, theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh T, chị T khai không có.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Vũ Quốc T xử cho Anh Vũ Quốc T và Chị Nguyễn Thị T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Nguyên Như N, sinh ngày 23/12/2015 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T, chị T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T, chị T khai không có.

5. Về án phí: Anh Vũ Quốc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018621 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu: HS, QĐ, Tập án ;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện ĐKKH

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng